

Bản án số: 120/2017/HSST
Ngày 09/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp

Thẩm phán: Bà Tòng Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thế Anh
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh
3. Bà Bùi Thị Đào

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Anh Cương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:*** Ông Cầm Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 127/2017/HSST ngày 17 tháng 7 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2017/HSST-QĐ ngày 28/7/2017 đối với bị cáo:

Tráng Thị T (Tên gọi khác: Tráng Thị A), sinh năm 1990 tại MC, Sơn La; nơi ĐKNKTT: Bản PN, xã LS, huyện MC, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Tráng A N và bà Vàng Thị C; bị cáo có chồng là Sòng A D và có 03 con (con lớn nhất 07 tuổi, con nhỏ nhất 03 tuổi); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 09/4/2017, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Bá L, là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sơn La (Luật sư chỉ định), có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Tráng Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 07 giờ ngày 09/4/2017, Tổ công tác Công an huyện MC, tỉnh Sơn La làm nhiệm vụ tại khu vực tiểu khu I, xã MS, huyện MC, phát hiện và bắt quả tang Tráng Thị T khi đang điều khiển xe máy BKS 26G1-176.62 đi theo hướng từ xã LS ra thị trấn MC, phía sau chở Tráng Thị S (cả hai đều trú tại bản PN, LS, MC) có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 01 túi ni lon màu đen bên trong đựng 29 túi nilon màu chửanh, trong mỗi túi đều chứa các viên nén màu hồng,

màu chửan (T khai là hồng phiến), 01 xe máy, 02 điện thoại di động và 300.000 đồng cùng một số giấy tờ có liên quan.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện MC thành lập Hội đồng mở niêm phong, cân tịnh, xác định trọng lượng, lấy mẫu trưng cầu giám định: 29 túi nilon màu xanh bên trong có 5.800 viên nén màu hồng, màu xanh có tổng trọng lượng 557,47 gam. Trích 26,93 gam (290 viên trong đó 232 viên hồng, 28 viên chửan) có ký hiệu T1 đến T29 và S1 đến S29 làm mẫu trưng cầu giám định chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số 424/KLMT ngày 13/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sơn La kết luận: *“Các mẫu gửi giám định ký hiệu T1 đến T29 và S1 đến S29 đều là loại chất Methamphetamine; Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 557,47 gam, loại chất Methamphetamine”*

Quá trình điều tra, Tráng Thị T khai nhận:

Ngày 02/4/2017, T đi chợ tại khu vực cửa khẩu LS, MC, T đã gặp một người phụ nữ dân tộc Mông (tự giới thiệu tên là X nhà ở huyện SB, nước CHDCND Lào), hai người đã nói chuyện và làm quen với nhau.

Khoảng 06 giờ ngày 09/4/2017, T điều khiển xe máy có biển kiểm soát 26G1 - 176.62 chở chị gái là Tráng Thị S đến thị trấn MC để khám bệnh. Khi đi đến khu vực đầu bản PN thấy X đứng cạnh đường gọi nên T dừng xe. Lúc này S cũng xuống xe đi ra cách chỗ T 05m nghe điện thoại. Còn T và X nói chuyện với nhau, X lấy trong người ra một gói nilon bên trong Chửan ma túy và thuê T vận chuyển số ma túy trên ra khu vực chợ Bảo Tàng, thị trấn MC, X sẽ trả tiền công cho T 2.000.000 đồng, T đồng ý. X lấy túi ma túy cho vào túi đựng hành lý cho vào giá đèo hàng ở giữa xe máy của T, sau đó X bỏ đi. Lúc này S cũng nghe xong điện thoại, T tiếp tục điều khiển xe máy chở S đi được khoảng 300 mét thì S có hỏi người phụ nữ đó là ai, T cho biết đó là X bạn của T và nói lại nội dung X đưa ma túy cho T và thuê T vận chuyển ma túy, nghe xong S không nói gì. Khi T, S đi đến khu vực tiểu khu I, xã MS, huyện MC, tỉnh Sơn La thì bị phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra xác định S không biết, không tham gia đối với việc thuê vận chuyển ma túy giữa X với T. Mặc dù S được T nói cho biết có người thuê vận chuyển ma túy nhưng S không hỏi rõ, không quan tâm đến việc làm của T, mục đích đi theo là để đi khám bệnh, do đó S không liên quan đến vụ án.

Tại Cáo trạng số 626/VKS-P1 ngày 15/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Tráng Thị T về tội: Vận chuyển trái phép chất ma túy theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Tráng Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu; đối với đối tượng tên X đã thuê bị cáo vận chuyển ma túy, bị cáo không biết đầy đủ họ tên, địa chỉ cụ thể; đối với Tráng Thị S là chị gái của T đi cùng bị cáo ra thị trấn MC để khám bệnh, khi T trao đổi vận chuyển thuê ma túy cho X thì S không tham gia và không được chứng kiến (do khi đó S đang nghe điện thoại).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 94, điểm p. 1 khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tráng Thị T từ 18 đến 19 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/4/2017.

Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Tráng Thị T: Luật sư nhất trí với tội danh, điều luật khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo là dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, chứa, nhận thức về pháp luật hạn chế; bản thân bị cáo đang mang thai 25 tuần tuổi; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp dưới khung hình phạt. Ngoài ra, về điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn chồng sống ly thân bên nước CHDCND Lào, bị cáo đang nuôi con nhỏ và hiện đang ở nhờ người thân (ở nhờ nhà chú) tại bản PN, xã LS, huyện MC, do đó đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung.

Bị cáo Tráng Thị T nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các Chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện Chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

XÉT THẤY:

Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, đã thể hiện: Do hám lời nên ngày 09/4/2017, Tráng Thị T trên đường đưa Tráng Thị S đi khám bệnh đã nhận 5.800 viên Hồng phiến của một người phụ nữ dân tộc Mông tự xưng là X ở SB, nước CHDCND Lào và vận chuyển thuê ra khu vực chợ Bảo Tàng, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Sơn La mục đích để được nhận 2.000.000 đồng. Trên đường vận chuyển đến khu vực tiểu khu I, xã MS, huyện MC, tỉnh Sơn La thì bị phát hiện bắt quả tang cùng. Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp lời khai của Tráng Thị S, phù hợp với kết quả điều tra, được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện MC lập hồi 07 giờ ngày 09/4/2017 đối với Tráng Thị T, Tráng Thị S tại tiểu khu 1, xã MS, huyện MC, tỉnh Sơn La;

- Biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MC lập ngày 09/4/2017;

- Kết luận giám định số 424/KLMT ngày 13/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sơn La kết luận: “Các mẫu gửi giám định ký hiệu T1 đến T29 và

S1 đến S29 đều là loại chất Methamphetamine; Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 557,47 gam, loại chất Methamphetamine”

Từ các căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Tráng Thị T (tên gọi khác: Tráng Thị A) phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Tráng Thị T đã có hành vi vận chuyển trái phép 557,47 gam Methamphetamine, đã vi phạm tình tiết “*Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ ba trăm gam trở lên*” quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Đánh giá về tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây nguy hại lớn cho xã hội, do đó cần xử lý nghiêm mới đảm bảo được tính răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo không có tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng cao biên giới, trình độ nhận thức, hiểu biết pháp luật còn hạn chế; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội khi đang mang thai, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm p, 1 khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án thấp hơn khung hình phạt quy định như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư là phù hợp với tính chất mức độ của vụ án và điều kiện hoàn cảnh của bị cáo.

Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 194. Song xét hoàn cảnh bị cáo khó khăn, không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với người liên quan:

Đối với đối tượng tên “X” theo Tráng Thị T khai là người phụ nữ dân tộc Mông đã thuê T vận chuyển thuê chất ma túy bị cáo chỉ nghe “X” nói nhà ở SB, nước CHDCND Lào ngoài ra bị cáo không biết đầy đủ họ tên, địa chỉ cụ thể của đối tượng trên, nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, mở rộng điều tra vụ án.

Đối với Tráng Thị S: Quá trình điều tra xác định S không biết, không tham gia đối với việc thuê vận chuyển ma túy giữa T với X, mục đích đi theo T là để đi khám bệnh, do đó xác định Tráng Thị S không liên quan đến vụ án.

Về vật Chứng của vụ án: Đối với 5.510 viên (530,54 gam) Methamphetamine còn lại sau khi đã trích lấy mẫu giám định, xét đây là loại chất Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với một Chứng minh thư nhân dân mang tên Tráng Thị A và hai chiếc điện thoại đã thu giữ của bị cáo, xét không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

Đối với một chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda RSX Biển kiểm soát 26 G1 - 176.62 và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Tráng Thị A, đây là tài sản riêng của bị cáo nhưng là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 300.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành đã thu giữ của bị cáo, xét không liên quan đến vụ án nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Tráng Thị T (tên gọi khác: Tráng Thị A) phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy.

1. Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194, điểm l, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tráng Thị T (Tráng Thị A) 18 (mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 09/4/2017).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật Chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1, 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì do Công an huyện MC phát hành, còn nguyên niêm phong mặt trước có ghi: “Vật Chứng vụ Tráng Thị T và Tráng Thị S; HKTT: Bản PN, LS, MC, Sơn La, bắt ngày 09/04/2017 có 5.510 viên (530,54 gam) các viên màu hồng nghi là ma túy tổng hợp” (Theo kết luận giám định số 424/KLMT ngày 13/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sơn La kết luận: “Các mẫu gửi giám định ký hiệu T1 đến T29 và S1 đến S29 là loại chất ma túy, loại chất Methamphetamin). Các cạnh có 06 dấu tròn đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện MC, chữ ký, dòng ghi họ tên của các thành phần tham gia niêm phong; 02 (hai) túi nilon màu đen; 01 (một) chiếc vỏ gối có hoa văn màu chửan.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda RSX, vỏ màu đen, vàng có BKS 26G1-176.62, xe có số máy 0370850, số khung 102275, xe không có gương, chìa khóa; 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Tráng Thị A, BKS 26G1-176.62, có số 007817 do Công an huyện MC cấp ngày 13/12/2016.

- Trả lại cho bị cáo 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Tráng Thị A, có số 051108281 do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 05/12/2016; 02 (hai) chiếc điện thoại di động, trong đó: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung Duos, vỏ màu trắng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu trắng.

- Tạm giữ số tiền 300.000 đồng của bị cáo Tráng Thị T để đảm bảo thi hành án.

3. *Về án phí*: Bị cáo Tráng Thị T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

4. *Về quyền kháng cáo đối với Bản án*: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/8/2017).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Huy Hiệp